



TÌNH HÌNH SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT Ở CHUYÊN MỸ (PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI) ĐẦU THẾ KỶ XIX QUA NGUỒN TƯ LIỆU ĐỊA BẠ

Nguyễn Dương Liễu*, Tống Văn Lợi*

Làng nghề khảm trai Chuyên Mỹ cách trung tâm Hà Nội 35km, thuộc huyện Phú Xuyên, thuộc ô trũng Hà Nam nên đây là vùng đất thấp nhất của Hà Nội. Hà Nội nay, Hà Tây xưa vốn là vùng đất có nhiều làng nghề nổi tiếng, trong đó có Chuyên Mỹ - nổi tiếng bởi nghề khảm trai ốc truyền thống. Là một làng nằm ven sông nên địa hình phân bố dân cư của Chuyên Mỹ cũng chạy dọc theo triền sông Nhuệ. Với đặc điểm phân bố như vậy nên hệ thống giao thông liên làng cũng chạy song song với dòng chảy của dòng sông, tạo thành hình cánh cung với chiều dài từ bắc xuống nam là 7.216 mét, chỗ rộng nhất là 2.728 mét. Nhìn trên bản đồ địa hình cho thấy Chuyên Mỹ có hình dáng giống mai rùa với địa hình cao nhất ở khu vực trung tâm, lan toả ra xung quanh với địa hình thấp hơn. Làng Ngổ và làng Trung nằm gần sát với sông Nhuệ, cách sông Nhuệ khoảng 200 mét, trong khi đó làng Đồng Vinh cách sông Nhuệ đến hơn 1000 mét. Mặt khác, khảo sát sơ bộ các làng Đồng Vinh, Bồi Khê, thôn Thượng, Trung, Hạ của xã Chuyên Mỹ cho thấy những làng ở gần sông Nhuệ thì phát triển mạnh nghề thủ công. Những làng nằm cách xa sông Nhuệ thì nền kinh tế lấy nông nghiệp là chủ yếu. Phải chăng, gắn kết với dòng sông chính là yếu tố tạo nên làng nghề?

1. Vài nét về làng nghề Chuyên Mỹ

Chuyên Mỹ diện tích tự nhiên 792,83ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 506ha, gồm 7 thôn:

* Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Đồng Vinh (xưa gọi là Đồng Bông) gồm hai xóm là xóm Ngõ Cái và xóm Ngõ Cầu.

- Thượng (xưa gọi là làng Chuôn) có hai xóm là xóm Trên và Dưới.

- Trung (còn gọi là Chuôn Trung) gồm ba xóm là xóm Chùa, xóm Giữa và xóm Đình).

- Ngõ (còn gọi là Chuôn Ngõ) gồm bốn xóm là xóm Đình, xóm Đồng Quay, xóm Ngã Ba và xóm Thượng.

- Hạ (còn gọi là Chuôn Mỹ Hạ) gồm hai xóm là xóm Trên và xóm Dưới.

- Bối Khê (xưa gọi là Cối Động, sau đổi thành An Dương) gồm hai xóm là xóm Chùa và xóm Đình.

- Mỹ Văn (được thành lập từ năm 1981).

Các thôn Thượng, Trung, Ngõ có tên nôm là phường Chuôn. Theo cách giải thích của dân gian địa phương thì *chuôn* là biến âm từ *chuôm* mà ra. *Chuôm* là từ Việt cổ dùng để chỉ vùng đất thấp trũng với nhiều ao hồ. Như trên đã nói, khu vực Chuyên Mỹ nằm trong khu vực có cốt đất thấp nhất của huyện Phú Xuyên nên hình thức giải thích của dân gian như trên là có thể chấp nhận được.

Tên gọi phường Chuôn cho biết đây là một khu vực khá phát triển về một loại hình hàng hoá. Và từ rất sớm, người dân ở Chuyên Mỹ đã lấy nghề thủ công mỹ nghệ khảm trai ốc làm nghề chính. Bởi điều kiện địa hình thấp trũng, mỗi năm chỉ cấy được một vụ, thậm chí có năm không thể cấy được vụ nào nếu năm đó nước sông Nhuệ dâng cao, tràn vào đồng ruộng của Chuyên Mỹ. Bởi sự khó khăn của hoạt động nông nghiệp nên người dân Chuyên Mỹ đã lựa chọn cho mình một nghề thủ công phù hợp với điều kiện gần sông nước và thấp trũng.

Quá trình lịch sử của làng hiện còn rất ít tư liệu. Những nguồn tư liệu hiện có cũng không cho phép nhà nghiên cứu có thể tìm hiểu được sự xuất hiện của làng nghề khảm trai Chuyên Mỹ. Vào đầu thế kỷ XIX, xã Chuyên Mỹ hiện nay thuộc huyện Phú Xuyên, trấn Sơn Nam Thượng. Tuy nhiên, địa giới hành chính lại có sự thay đổi. Ngoài thôn Trung thuộc xã Chuyên Mỹ, Chuyên Mỹ Thượng và Chuyên Mỹ Hạ, thôn Đồng Bông thuộc xã Chuyên Mỹ, thôn Ngõ thuộc xã Chuyên Mỹ thì còn có thêm các thôn Kim Lũng, Nhị Khê, Bối Khê, Giới Đức, phường Thủy Cơ thuộc xã Thịnh Đức. Như vậy, địa bàn xã Chuyên Mỹ đầu thế kỷ XIX rộng hơn diện tích xã Chuyên Mỹ hiện nay. *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX* cũng cho biết thôn Ngõ năm Mậu Thìn 1808 mới phục hồi¹.

Đầu thế kỷ XX, Chuyên Mỹ thuộc tổng Thịnh Đức Thượng, huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông với các xã Bối Khê, Chuyên Mỹ Ngõ, Chuyên Mỹ Thượng Hạ (Chuôn), Chuyên Mỹ Trung, Đồng Vinh, Kim Lũng, Nhị Khê. *Địa danh và tài liệu lưu trữ về làng xã Bắc Kỳ* cũng cho biết Chuyên Mỹ khi đó có các xã như trên².

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 dân số toàn xã có khoảng 3.785 người. Đến năm 1989 con số này là 7.124 người và năm 1997 toàn xã có 8.215 người. Tính đến ngày 31/12/2007, Chuyên Mỹ có 9.150 nhân khẩu, 2.137 hộ, số lao động trong độ tuổi là 5.450 lao động. Đây là số liệu được tính theo sổ hộ khẩu nhưng trên thực tế, số nhân khẩu sống tại xã có ít hơn vì nhiều người trẻ tuổi đã đi làm việc và sinh sống ở một số thành phố lớn khác. Họ chỉ về quê vào những ngày Tết để gặp gỡ gia đình, sau Tết họ lại ra đi.

Mật độ dân số tập trung đông tại các thôn Ngo, Bồi Khê, số ít tại ở Mỹ Văn. Đặc điểm này xuất phát từ thực tế lịch sử để lại. Bồi Khê trước đây là một xã nhưng hiện nay chuyển thành một thôn của xã Chuyên Mỹ. Các thôn Ngo, Hạ, Đồng Vinh được hình thành từ sớm nên quỹ đất có hạn, mật độ dân số tập trung đến mức độ nào đấy thì có hiện tượng di cư sang các khu vực mới (thường được gọi là trại hay sạ i...). Ở Chuyên Mỹ, khu vực mới đó là Mỹ Văn, vốn trước đây là đất bỏ hoang.

Chuyên Mỹ là xã khá đa dạng về tôn giáo: thờ thành hoàng, đền thờ tổ nghề, Thiên Chúa giáo, chùa thờ Phật... Cũng như các làng Việt truyền thống khác, thờ thành hoàng và tổ nghề là hiện tượng phổ biến đối với các làng Việt cổ. Tuy nhiên sự xuất hiện của Thiên Chúa giáo ở đây làm cho bức tranh sinh hoạt tôn giáo thêm đa dạng.

Làng Chuyên Mỹ Trung và Chuyên Mỹ Thượng là hai làng Công giáo toàn tòng. Ngoài ra, còn một số gia đình theo Thiên Chúa tập trung ở các thôn khác nhưng không nhiều. Hương ước làng Chuyên Mỹ Trung lập năm 1908 quy định lễ thờ chúa Trời vào hai kỳ xuân và thu. Lễ vật khi cúng chúa Trời là hoa, lạp (nến) cùng kim ngân vàng bạc. Lễ cúng chúa Trời được tiến hành hàng năm vào tháng 10. Vào tháng 10, dân làng bắt đầu cử hành lễ cầu phúc và đại lễ thánh. Công việc tế được giao cho “ba giáp trong thôn biện hương hoa, oản, quả, thủ lợn lễ bái mời các vị trong thôn về chứng giám”. Mỗi giáp một năm, sắm đủ lễ vật gồm một thủ lợn, 6 mâm cỗ đầy, 20 quả cau tươi làm lễ, biếu cho linh mục và các giáo đồ. Tất cả các chức sắc quan viên cho đến lão thứ lý dịch và các bậc lão trong các giáp đều được đến ăn uống. Các thành viên trong giáp từ 10 tuổi trở lên và đã được nhập giáp rồi đều được đến ăn uống; nếu ai vắng mặt thì được chia phần. Hương ước nêu rõ “giáp nào tiêu tốn bao nhiêu thì lấy công quỹ của giáp đó để chi trả”.

Đối với từng cá nhân của làng Trung, hương ước quy định nếu “trong thôn ai mời riêng linh mục viên hành lễ thờ tổ tiên”, khi mời các chức sắc quan viên đến hộ lễ thì phải biếu cho những người giúp việc hành lễ “hoa rượu một bình, cau tươi 30 quả. Nếu như biện đầu trâu một chiếc, một đôi sơn, một buồng cau thì làm lễ trung khoa. Nếu lễ biện được một đầu trâu, một đôi chỉ đỏ, một buồng cau thì làm lễ tiểu khoa.”? Việc biếu lễ này là “nếu có thành tâm yết lễ” thì tùy hoàn cảnh no đủ hay túng thiếu mà làm lễ cho phù hợp với hoàn cảnh của từng gia đình.

Hiện tượng Thiên Chúa giáo ở Chuyên Mỹ Trung khá lý thú. Đây là làng Công giáo toàn tòng đầu tiên và cũng là làng có kinh tế phát triển nhất ở xã Chuyên Mỹ. Đây cũng là nơi phần lớn thợ lành nghề di cư ra khu vực phía nam hồ Hoàn Kiếm, lập nên một khu vực tụ cư của người Chuyên Mỹ chuyên nghề Khảm trai, gọi là phố Hàng Khảm vào cuối thế kỷ XIX. Charles Labarthe cho biết “Ở phố Thợ Khảm chỉ có người An Nam sinh sống. Đây là một con phố rất dài, chạy từ đền thờ Khổng Tử đến khu nhượng địa [tức là từ Văn Miếu đến hồ Hoàn Kiếm]. Gọi *Thợ Khảm* vì đây là nơi có nhiều thợ thủ công là những người có một sự kiên nhẫn đáng ngạc nhiên có thể làm ra những sản phẩm bằng gỗ trắc hoặc gụ chạm khắc tinh xảo và được khảm bằng những mảnh vỏ trai nhỏ xíu lấp lánh ngũ sắc. Phần lớn những người thợ này đều theo đạo”³. Có thể thấy rằng, người Chuyên Mỹ đã di cư rất nhiều ra Thăng Long để làm ăn sinh sống. Tư liệu địa bạ cho biết Chuyên Mỹ Trung tập trung nhiều địa chủ có mức sở hữu ruộng đất rất lớn. Liệu có mối liên hệ giữa hai hiện tượng này không? Có thể giả định rằng, người Chuyên Mỹ Trung đã ra Hà Nội làm ăn sinh sống. Khi kiếm được tiền, với căn tính vốn có của người nông dân, họ lại dùng số tiền kiếm được quay trở về mua ruộng đất ở quê, để rồi họ lại trở thành địa chủ sau khi đã là thợ thủ công lành nghề.

2. Sở hữu ruộng đất ở Chuyên Mỹ đầu thế kỷ XIX

Những tư liệu thành văn minh chứng cho quá trình khai hoang, xây dựng của người dân Chuyên Mỹ trong lịch sử hiện còn không nhiều tại địa phương. Rất khó có thể tìm thấy một tư liệu về làng xã trước năm 1945. Trong bối cảnh chung như thế, chúng tôi mở rộng hướng tìm kiếm, khai thác tư liệu tại các trung tâm lưu trữ nhà nước.

Tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I hiện còn lưu trữ địa bạ của các thôn:

+ Thôn Đồng Bông, xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, phủ Thường Tín, xứ Sơn Nam Thượng, ký hiệu: Q 4754;

+ Thôn Ngộ, xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, phủ Thường Tín, xứ Sơn Nam Thượng, ký hiệu: Q 4751;

+ Thôn Trung, xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, phủ Thường Tín, xứ Sơn Nam Thượng, ký hiệu: Q 4753;

+ Xã Bối Khê, huyện Phú Xuyên, phủ Thường Tín, xứ Sơn Nam Thượng, ký hiệu: Q 4809;

+ Xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, phủ Thường Tín, xứ Sơn Nam Thượng, ký hiệu: Q 4751.

Địa bạ là nguồn tư liệu rất có giá trị trong nghiên cứu cơ chế ruộng đất, mức độ sở hữu, làng xã, nông thôn và nông nghiệp Việt Nam trong lịch sử. Các địa bạ trên đều được lập vào năm Gia Long thứ 4 (1805).

Theo các phương pháp tiến hành nghiên cứu về địa bạ trước đó⁴, chúng tôi cũng tiến hành xử lý địa bạ Đồng Bông, thôn Ngọ, thôn Trung, xã Bối Khê và xã Chuyên Mỹ theo các cách thức như trên.

Bảng 1: Phân bố ruộng đất Chuyên Mỹ đầu thế kỷ XIX

TT	Diện tích sở hữu	Đồng Bông	Ngọ	Trung	Bối Khê	Thượng	Hạ
1	Địa bạ	324.8.0.3	336.5.7.7	233.0.12.5	507.5.12.7	292.6.07.2	147.0.08.8
2	Thực tế	330.9.5.3	346.8.2.4	238.1.00.8	507.5.12.7	303.6.12.9	152.8.03.5
3	Chênh lệch	6.1.5.0	10.1.4.7	5.0.03.3		11.5.07.0	5.7.04.7

Từ kiểm tra số liệu ruộng đất trong địa bạ với số liệu cụ thể, chúng ta thấy có sự chênh lệch nhau khá lớn. Sự chênh lệch này có thể do lỗi tính toán, hoặc cũng có thể do bộ máy chức dịch muốn ẩn lậu một số lượng ruộng đất nhất định để thu lợi.

Chất lượng ruộng ở các xã Đồng Bông, Ngọ, Bối Khê, Thượng, Trung, Hạ là như thế nào? Những ghi chép từ địa bạ cho thấy ở đây không có ruộng loại 1 (tức là ruộng tốt), chủ yếu là ruộng loại 2 và 3. Chất lượng ruộng không tốt, phần lớn chỉ cấy được một vụ/ năm. Về sự phân bố các loại hình ruộng đất, bảng số liệu dưới đây sẽ cho thấy điều đó.

Bảng 2: Phân bố các loại ruộng ở Chuyên Mỹ đầu thế kỷ XIX

	Ruộng công	Ruộng tư	Ruộng thần từ phạt tự	Thổ trạch viên tri	Khác	Tổng
Số lượng	42.5.10.2	1626.7.11.3	38.9.14.8	109.1.10.4	51.3.10	1872.8.11.7
Tỷ lệ %	2,25%	87.1%	2,09%	5,84%	2,72%	100%

Điều dễ dàng nhận thấy là sở hữu tư nhân và ruộng đất chiếm áp đảo so với ruộng công làng xã (87,1/2,25). Tỷ lệ ruộng thần từ phạt tự cũng không lớn lắm với gần 40 mẫu. Tỷ lệ này khi so sánh với sở hữu ruộng đất ở một số huyện khác của Hà Đông thì có sự khác biệt.

Bảng 3: So sánh tỷ lệ công điền - tư điền

	X. Chuyên Mỹ	H. Đan Phượng	H. Hoài An	H. Sơn Minh
Tư điền/công điền	87,1%/2,25%	45,96%/37,99%	81,5%/4,81%	83,92%/4,55%

Sự khác biệt đầu tiên là tỷ lệ công điền của Chuyên Mỹ thấp hơn nhiều so với các huyện khác ở Hà Đông. Nhưng ở mặt bằng chung thì tỷ lệ ruộng đất tư hữu chiếm số lượng lớn. Phân tích về sự thay đổi của chế độ tư hữu ruộng đất đầu thế kỷ XIX của xã Chuyên Mỹ, chúng ta thấy:

Bảng 4: Quy mô chủ sở hữu ruộng đất

Quy mô sở hữu	Đồng Bông	Ngọ	Trung	Bối Khê	Thượng	Hạ	Tổng
Dưới 1 mẫu	36	0	1	5	0	0	42
1 - 3 mẫu	112	5	17	15	1	4	154
3 - 5 mẫu	19	4	26	15	3	11	78
5 - 10 mẫu	4	13	9	21	16	7	70
10 - 20 mẫu	0	12	0	16	5	2	35
Trên 20 mẫu	0	0	0	0	2	0	2
Tổng	171	34	53	72	27	24	381

Bảng trên cho thấy sở hữu nhỏ của Chuyên Mỹ chiếm một tỷ lệ đáng kể với 51,4% chủ sở hữu dưới 3 mẫu ruộng. Tuy nhiên, trong mức độ này thì nông dân tự canh lại chiếm số lượng lớn (154 chủ sở hữu/381 chủ sở hữu, chiếm 40,4%). Số nông dân có ít ruộng đất chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ (42 chủ sở hữu/ 381 chủ sở hữu, chiếm 11%).

Ngược lại, số chủ sở hữu từ 3 mẫu trở lên lại có số lượng lớn với 185 chủ sở hữu được thống kê trong địa bạ (chiếm 48,6%). Mức độ sở hữu trên 10 mẫu là cũng lớn với 35 chủ sở hữu. Cá biệt, có 2 chủ sở hữu ở thôn Thượng, xã Chuyên Mỹ sở hữu trên 20 mẫu là Vũ Đăng Tiến sở hữu 20 mẫu, 7 sào, 13 thước; Vũ Văn Hán sở hữu 23 mẫu 9 sào. Chủ sở hữu Vũ Đăng Tiến là người Thạch Hà, Sơn Bằng, phụ canh ở Chuyên Mỹ. Mức độ sở hữu lớn như thế rất ít gặp ở Bắc Bộ bởi tính chất manh mún của loại hình ruộng đất ở miền Bắc.

Bảng 5: Quy mô sở hữu ruộng đất đầu thế kỷ XIX

Quy mô sở hữu	Chủ sở hữu	Tỷ lệ %	Diện tích sở hữu	Tỷ lệ %
Dưới 1 mẫu	42	11	27.5.08.0.0.0	1,75
1 - 3 mẫu	154	40,4	282.3.00.6.0.0	18
3 - 5 mẫu	78	20,5	284.8.12.9.0.0	18,1
5 - 10 mẫu	70	18,4	497.6.06.9.0.0	31,6
10 - 20 mẫu	35	9,2	435.7.02.5.0.0	27,7
Trên 20 mẫu	2	0,5	44.6.13.9.0.0	3,35
Tổng	381	100	1572.8.08.0.0.0	100

Bảng 5 cho thấy tỷ lệ chủ sở hữu dưới 1 mẫu cũng như diện tích sở hữu đều rất nhỏ: 42 chủ sở hữu (chiếm 11%) sở hữu 27 mẫu 5 sào (chiếm 1,75%). Mức độ sở hữu từ 1 đến 3 mẫu chiếm một tỷ lệ lớn về chủ sở hữu (40,4% tổng số chủ ruộng) nhưng chỉ nắm trong tay hơn 282 mẫu (chiếm 18% tổng số diện tích). Thế nhưng, số chủ sở hữu từ 3 đến 5 mẫu chỉ bằng một nửa số chủ ruộng sở hữu 1 đến 3 mẫu

nhưng lại nắm trong tay tới 284 mẫu (bằng diện tích sở hữu của 154 chủ sở hữu từ 1 đến 3 mẫu). Số chủ sở hữu từ 5 đến 10 mẫu chỉ có 70 chủ ruộng (chiếm 18,4% dân số) nhưng có mức độ sở hữu kỷ lục là 497 mẫu (chiếm 31,6%). Mức sở hữu trên 10 mẫu là 37 người (chiếm 9,7%) sở hữu tới 490 mẫu ruộng (= 31,05% tổng diện tích ruộng đất toàn xã). Sự phân tích này càng khẳng định tính tập trung ruộng đất tại Chuyên Mỹ vào đầu thế kỷ XIX.

Khi so sánh mức độ sở hữu tư nhân về ruộng đất ở các xã Đồng Bông, Ngọ, Trung, Bối Khê, Thượng thôn và Hạ thôn của xã Chuyên Mỹ thì quy mô cũng khác nhau. Có thể thấy ở Đồng Bông không có sở hữu lớn mà chủ yếu là nông dân tự canh. Thống kê từ địa bạ Đồng Bông cho thấy chủ sở hữu trên 5 mẫu ruộng chỉ có 4 người (chiếm 2,3%) trong tổng số 171 chủ sở hữu trong địa bạ, còn lại (97,7%) là sở hữu dưới 5 mẫu. Trong khi đó, ở các xã khác như Ngọ, Trung, Bối Khê, Thượng, Hạ, mức sở hữu dưới 1 mẫu có rất ít (6 trường hợp), từ 1 đến 3 mẫu là 42 trường hợp (chiếm 20%), còn lại là 80% chủ sở hữu có mức độ sở hữu từ 3 mẫu trở lên. Hiện tượng tích tụ ruộng đất lớn lại chủ yếu tập trung ở các khu vực là Ngọ, Bối Khê, Thượng thôn và Hạ thôn. Trong bốn thôn này thì Ngọ, Thượng thôn và Hạ thôn là ba thôn có nghề khảm trai phát triển nhất. Đây có thể được xem là hiện tượng rất đáng lưu ý.

Nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng, dù thủ công nghiệp hay thương nghiệp phát triển thì người nông dân, sau khi giàu có đều quay trở lại dùng tiền mua ruộng đất. Như vậy, sau khi những thợ thủ công ở Ngọ, Thượng và Hạ trở nên giàu có thì họ đã dùng tiền mua ruộng đất ở làng xã, dẫn đến tình trạng tích tụ ruộng đất trong tay một số người. Điều này dẫn đến một giả thuyết, trong khi số lượng ruộng đất có hạn, lại tập trung trong tay một số người thì tất yếu sẽ có những người không có ruộng. Nguồn tư liệu địa bạ chỉ cho biết thông tin của những người có ruộng, còn trường hợp không có ruộng thì không được nhắc đến nên chúng tôi không biết chính xác số lượng nông dân không có ruộng là bao nhiêu. Tuy nhiên, điều này đã cho thấy có sự phân hoá giàu nghèo rất rõ ràng ở thôn Ngọ, Thượng và Hạ. Dưới đây chúng tôi sẽ phân tích kỹ hơn:

Trong số 29 chủ sở hữu trên 3 mẫu của thôn Ngọ (chiếm 82,3% chủ sở hữu, trong đó có 12 chủ sở hữu trên 10 mẫu ruộng) đã sở hữu tới 285 mẫu 4 sào 10 thước (chiếm 96,3% số lượng ruộng đất của thôn Ngọ). Số lượng tại thôn Thượng cũng tương tự: 26/27 chủ sở hữu từ 3 mẫu trở lên, chiếm 96,3%. Chủ sở hữu trên 5 mẫu là 23 người, chiếm 85,2%. 23 chủ sở hữu trên 5 mẫu đã nắm trong tay 237 mẫu 6 sào 12 thước 6 tấc trên tổng số 251 mẫu 8 sào của cả thôn, chiếm 94,4% tỷ lệ ruộng đất cả thôn. Hiện tượng này thật lý thú khi đi sâu phân tích kết cấu kinh tế của hai làng này tại thời điểm hiện nay. Đây là 2 làng nghề khảm trai phát triển nhất về quy mô cũng như về số lượng lao động làm nghề thủ công. Hiện tượng tích tụ ruộng đất trong tay một số người ở các làng quê có nghề thủ

công phát triển ở hai làng Thượng, Ngọ có thể coi là tiêu biểu cho xu hướng này trong lịch sử ruộng đất Việt Nam đầu thế kỷ XIX.

Như phần trên đã trình bày, theo *Các tổng trấn xã danh bị lãm* cho biết thôn Ngọ bị phiêu tán, đến năm 1808 mới được phục hồi. Địa bạ thôn Ngọ được lập năm Gia Long 4 (1805) vẫn cung cấp những thông tin về các chủ sở hữu ruộng đất tại thôn. Như vậy, tại hai thời điểm 1805, 1808, hai luồng thông tin này cho biết 2 điều:

- Có thể người dân làng Ngọ đi phiêu tán nhiều nên lượng ruộng đất tập trung lại trong tay một số người. Điều này chỉ có thể đúng khi dân phiêu tán phải trước năm 1805, đến năm 1808 thì phục hồi?

- Cũng có thể, làng Ngọ bị phiêu tán trong khoảng thời gian sau năm 1805 và được phục hồi vào năm 1808? Điều này cần nghiên cứu thêm.

Số chủ sở hữu là nữ cũng rất đáng quan tâm. Có 43 chủ sở hữu là nữ, chiếm 11,4% tổng số chủ (43/381 chủ) sở hữu 185 mẫu ruộng, chiếm 10% số lượng ruộng đất được thống kê qua địa bạ. Số lượng chủ sở hữu là nữ cũng như số lượng ruộng tích tụ là không nhiều nhưng từ địa bạ nó cũng cho một số thông tin đáng chú ý.

Bảng 6: Quy mô chủ sở hữu phân theo địa bàn

Quy mô sở hữu	Đồng Bông	Ngọ	Trung	Bối Khê	Thượng	Hạ	Tổng
Dưới 1 mẫu	2	-	-	1	-	-	3
1 - 3 mẫu	2	2	-	8	-	1	13
3 - 5 mẫu	-	1	6	4	-	1	12
5 - 10 mẫu	-	3	1	4	4	1	13
10 - 20 mẫu	-	-	-	-	-	2	2
Tổng cộng	4	6	7	17	4	5	43

Số lượng chủ sở hữu là nữ ở Bối Khê là nhiều nhất (17 chủ sở hữu). Số lượng còn lại phân bố đồng đều ở các thôn Đồng Bông (4 trường hợp), Ngọ (6 trường hợp), Trung (7), Thượng (4) và Hạ (5). Mật độ chủ sở hữu là nữ tập trung chủ yếu ở mức sở hữu từ 1 đến 5 mẫu (chiếm 25 chủ sở hữu). Sở hữu từ 5 đến 10 mẫu có 13 chủ. Đặc biệt, có 2 chủ sở hữu ở thôn Hạ là Phạm Thị Dục, Nguyễn Thị Duẩn ở thôn Hạ sở hữu 10 mẫu 3 sào và 13 mẫu 5 sào.

Hiện tượng phụ canh cũng là điều đáng chú ý. Số lượng chủ phụ canh của Đồng Bông là 63/171 chủ sở hữu, thôn Ngọ là 11/35 chủ sở hữu, thôn Trung là 41/54, Bối Khê là 1/73; Thượng là 9/28, Hạ là 10/21. Như vậy, có tới 36,5% (135/381) chủ sở hữu ruộng đất ở Chuyên Mỹ là phụ canh. Trong số 135 chủ sở hữu là phụ canh thì chỉ có 9 chủ sở hữu là người không thuộc xã Chuyên Mỹ. Như vậy, có thể

thấy, hiện tượng người các làng của xã Chuyên Mỹ xâm canh ruộng là khá phổ biến. Hiện tượng xâm canh này chỉ diễn ra trong phạm vi xã, người làng này có ruộng ở làng khác.

Toàn bộ 135 chủ phụ canh sở hữu 515 mẫu 9 sào 7 thước, chiếm 28% tổng ruộng đất của Chuyên Mỹ, trong đó, số chủ sở hữu dưới 1 mẫu là 20 trường hợp, 1 đến 3 mẫu là 51 trường hợp, 3 đến 5 mẫu là 31 trường hợp, 5 đến 10 mẫu là 25 trường hợp, trên 10 mẫu là 8 trường hợp. Cụ thể như sau:

Bảng 7: Quy mô, số lượng và diện tích sở hữu của chủ phụ canh

Quy mô sở hữu	Số chủ	Diện tích	Tỷ lệ %
Dưới 1 mẫu	20 (14,8%)	13.6.08.0.0.0	2,6
1 đến 3 mẫu	51 (37,8%)	90.3.04.0.0.0	17,5
3 đến 5 mẫu	31 (23%)	116.6.11.2.0.0	22,6
5 đến 10 mẫu	25 (18,5%)	183.8.03.9.0.0	35,6
Trên 10 mẫu	8 (5,8%)	112.1.05.4.0.0	21,7
Tổng	135 (100%)	515.9.07.0.0.0	100

Phần lớn những chủ phụ canh đều tập trung ở mức sở hữu trên 1 mẫu ruộng. Quy mô sở hữu nhỏ bị lấn át khi chỉ có 14,8% chủ phụ canh sở hữu 2,6% tổng số ruộng đất phụ canh. Chủ sở hữu trên 10 mẫu chỉ có 5,8% nhưng nắm trong tay 21,7% tổng số ruộng đất. Điều này tiếp tục phản ánh mức độ tập trung ruộng đất trong tay một số địa chủ lớn, cho thấy tính phức tạp trong quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất là ruộng đất ở Chuyên Mỹ.

Bức tranh phân bố ruộng đất ở Chuyên Mỹ đầu thế kỷ XIX đã cho thấy những đặc điểm của một làng quê sớm có nghề thủ công phát triển. Sự phân hoá và tích tụ ruộng đất ở Chuyên Mỹ cho thấy đây là một địa bàn khá lý thú để nghiên cứu. Là một vùng thấp trũng, chất lượng ruộng không tốt (phần lớn là ruộng loại 2, loại 3 và công pha) chỉ cấy được một vụ nên đã góp phần lý giải hiện tượng chuyển hướng từ làm nông sang làm nghề thủ công. Đây là một lý do, theo chúng tôi là chủ yếu để người dân Chuyên Mỹ chăm chú vào nghề khảm trai mà ít chăm chú vào nghề nông như hiện nay. Một điều nữa cũng cần phải nghiên cứu để giải thích sự xuất hiện của làng nghề là yếu tố địa lý. Nằm cạnh sông Nhuệ, nơi có rất nhiều trai ốc tự nhiên làm nguyên liệu cho hoạt động chế tác sản phẩm thủ công mỹ nghệ nên Chuyên Mỹ có điều kiện để phát triển làng nghề.

Đặt Chuyên Mỹ trong bối cảnh của làng nghề huyện Phú Xuyên nói riêng, làng nghề Hà Nội, Bắc Ninh nói chung mới thấy được sự liên thông giữa các làng nghề, đặc biệt là giữa làng nghề sơn mài Hạ Thái (huyện Phú Xuyên) và làng Đồng Kỵ (Bắc Ninh) với Chuyên Mỹ. Các sản phẩm sơn mài, đồ gỗ đều được thợ thủ công Chuyên Mỹ tỷ mỷ chạm khắc những bức tranh sống động bằng trai, ốc.

Sự liên thông giữa các làng nghề tạo nên chất xúc tác cho sự phát triển của nghề thủ công Chuyên Mỹ nói riêng, làng nghề Phú Xuyên nói chung.

3. Kết luận

Là làng nghề nằm ở khu vực thấp trũng, ruộng đất xấu, diện tích không nhiều, gần sông nên Chuyên Mỹ sớm phát triển nghề thủ công mỹ nghệ, khai thác nguyên vật liệu trai ốc ngay tại địa phương. Trong bối cảnh như vậy, bức tranh phân bố ruộng đất tại Chuyên Mỹ đầu thế kỷ XIX nổi lên một số hiện tượng đáng lưu ý:

Thứ nhất, quá trình tư hữu hóa ruộng đất là một quá trình lâu dài trong lịch sử phản ánh bước phát triển của chế độ tư hữu và trường hợp Chuyên Mỹ cũng không là ngoại lệ. Tuy nhiên, so với các làng thuần nông khác tính chất phân hoá và tích tụ ruộng đất của Chuyên Mỹ dường như diễn ra với mức độ cao hơn. Sự phát triển của các hoạt động sản xuất thủ công nghiệp, đặc biệt là nghề khảm trai có thể được xem như là một yếu tố lý giải hiện tượng này.

Thứ hai, sự phát triển đan cài của các loại hình sở hữu (chính canh, phụ canh); quy mô sở hữu (nhiều, ít), số chủ sở hữu là nam, nữ... đã cho thấy bức tranh sở hữu ruộng đất ở Chuyên Mỹ thật sống động nhưng cũng đầy phức tạp.

Thứ ba, chất lượng ruộng đất ở Chuyên Mỹ không phải là loại tốt nhưng lại có hiện tượng tích tụ. Sự phát triển của nghề thủ công nghiệp ở đây có thể nói là rất mạnh nhưng vẫn chưa đủ sức phá vỡ kết cấu nông - công - thương, không đủ sức để tạo thành một làng nghề thủ công hoàn chỉnh theo đúng ý nghĩa của từ thủ công nghiệp. Sự phát triển kinh tế từ nghề thủ công mang lại nhưng tiếp tục được quay vòng vốn bằng cách mua ruộng. Với bản chất ăn chắc, mặc bền, người thợ thủ công Chuyên Mỹ dùng đồng tiền kiếm được từ nghề thủ công để mua ruộng đất, coi đó là một hình thức đầu tư chắc chắn. Và như thế, cái vòng luẩn quẩn: ít ruộng đất nên phải làm nghề thủ công, khi có tiền lại tập trung mua ruộng để làm vốn là bước đi chậm chạp của làng Việt trên bước đường đổi mới, mà Chuyên Mỹ vào đầu thế kỷ XIX là một ví dụ minh họa cho bước phát triển của làng Việt truyền thống.

CHÚ THÍCH

- ¹ *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (Các trấn tổng xã danh bị lãm)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1981, tr.19.
- ² Ngô Vĩ Liên, *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1999, tr.47. Philippe Papin - Nguyễn Văn Nguyên - Vũ Thị Minh Hương, *Địa danh và tài liệu lưu trữ về làng xã Bắc Kỳ*, Hà Nội, 1999, tr.229.
- ³ Charles Labarthe, *Ha-Noi, capitale du Tong-king en 1883*, *Revue de géographie*, tập XIII, Juillet Décembre 1883, Paris, p.97.

-
- ⁴ Tham khảo: Phan Huy Lê (Chủ biên), *Địa bạ Hà Đông*, Hà Nội, 1995, *Địa bạ Thái Bình*, NXB Thế giới, Hà Nội, 1998, *Địa bạ Hà Nội*, NXB Hà Nội, 2006.